

CÔNG VĂN BẢN SỐ: 561

Ngày 25/4/11

UBND TỈNH HOÀ BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 579/STC-QLNS

Hoà Bình, ngày 22 tháng 4 năm 2011

V/v Thực hiện chi trả trợ cấp
khó khăn theo Quyết định 471/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: - Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 471/2011/QĐ-TTg ngày 30/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp khó khăn đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, người hưởng lương hưu có mức lương thấp, người hưởng trợ cấp ưu đãi, người có công và hộ nghèo đời sống khó khăn;

Căn cứ Thông tư số 48/2011/TT-BTC ngày 08/4/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện trợ cấp khó khăn đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang người hưởng lương hưu có mức lương thấp, người hưởng trợ cấp ưu đãi, người có công và hộ nghèo đời sống khó khăn;

Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể xác định, đối tượng, nhu cầu và phương thức thực hiện trợ cấp khó khăn đối với cán bộ; công chức; viên chức; cán bộ công chức xã, phường; giáo viên mầm non trong biên chế và hợp đồng theo Quyết định 161/2002/QĐ-TTg; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; cán bộ xã, phường thị trấn đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo QĐ số 130-CP có mức lương thấp và hộ nghèo đời sống khó khăn thuộc ngân sách địa phương chi trả, cụ thể như sau:

1. Đối tượng được hưởng:

a) Cán bộ, công chức (bao gồm cả công chức trong thời gian tập sự) thuộc biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, các huyện, thành phố;

b) Viên chức thuộc biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

c) Cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

d) Giáo viên mầm non trong biên chế và giáo viên mầm non hợp đồng quy định tại Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Cán bộ y tế xã, phường, thị trấn hưởng lương theo Quyết định số 58/TTg ngày 03 tháng 02 năm 1994 và Quyết định số 131/TTg ngày 04/3/1995 của Thủ tướng Chính phủ;

e) Các đối tượng ký kết hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đó được xếp lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

g) Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

h) Hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ (số lượng căn cứ Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 24/2/2011 của UBND tỉnh Hòa Bình)

2. Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/đối tượng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g Mục 1 và 250.000đồng/hộ đối các đối tượng quy định tại điểm h Mục 1 nêu trên .

3. Xác định đối tượng và nhu cầu kinh phí:

Trên cơ sở đối tượng được hưởng trên các sở, ban, ngành, đoàn thể các đơn vị dự toán thuộc cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định số đối tượng có mức lương thấp, đời sống khó khăn có mặt tại thời điểm 30/3/2011. Tổng hợp số lượng đối tượng được hưởng trợ cấp khó khăn và nhu cầu kinh phí (*theo biểu mẫu gửi kèm theo Công văn này*) gửi sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí.

4. Thực hiện chi trả:

Trong khi chờ Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tạm ứng ngân sách tỉnh để bổ sung cho các đơn vị và ngân sách các cấp, để kịp thời chi trả trợ cấp khó khăn cho các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 471/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chủ động ứng trước dự toán chi thường xuyên năm 2011 để thực hiện chi trả cho đối tượng, Sở Tài chính sẽ thực hiện cấp

bổ sung dự toán cho các sở, ban, ngành và ngân sách cấp huyện, xã để thực hiện việc chi trả trợ cấp khó khăn cho các đối tượng

- Việc thực hiện chi trả trợ cấp khó khăn cho các đối tượng được thực hiện 02 (hai) lần trong quý II năm 2011 như sau:

Lần thứ nhất: Thực hiện trong tháng 4/2011, mức trợ cấp là 150.000 đồng;

Lần thứ hai: Thực hiện trong tháng 5/2011, mức trợ cấp là 100.000 đồng;

5. Cấp phát kinh phí và nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước; Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh; ngân sách tỉnh bổ sung cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, thành phố; ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, phường, thị trấn. Căn cứ Quyết định bổ sung dự toán của UBND tỉnh, Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung dự toán cho các sở, ban, ngành, đoàn thể và ngân sách huyện, thành phố rút dự toán và ngân sách huyện, thành phố thông báo rút dự toán đối với ngân sách cấp xã, phường, thị trấn.

6. Tổ chức thực hiện:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể (thụ hưởng ngân sách tỉnh) thực hiện chi trả cho các đối tượng thuộc đơn vị có mức lương thấp theo quy định tại Quyết định 471/QĐ-TTg và tổng hợp nhu cầu kinh phí trợ cấp khó khăn theo **(biểu số 01)** gửi kèm theo Công văn này về Sở Tài chính (Phòng TC – HCSN).

- Đơn vị dự toán thuộc ngân sách các huyện, thành phố thực hiện chi trả cho các đối tượng thuộc các đơn vị dự toán thụ hưởng ngân sách huyện có mức lương thấp theo quy định tại Quyết định 471/QĐ-TTg; Phòng Lao động thương binh và xã hội có trách nhiệm thanh toán kinh phí trợ cấp khó khăn cho các đối tượng là Hộ nghèo theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Chỉ thị số 1752/CT-TTg ngày 21/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện chi trả cho các đối tượng Cán bộ y tế; Cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 2, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130-CP. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổng hợp nhu cầu kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của cấp mình báo cáo UBND và Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp nhu cầu kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình và nhu cầu kinh phí của các xã, phường, thị trấn theo **(biểu số 02)** gửi kèm theo Công văn này về Sở Tài chính (Phòng QLNS) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kinh phí chi trả trợ cấp khó khăn theo Quyết định 471/QĐ-TTg được hạch toán Mục 6400, Tiểu mục 6449 và Chương, Loại, Khoản tương ứng. Riêng các đối tượng còn lại quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 1 Quyết định 471/QĐ-TTg (không bao gồm các đối tượng quy định tại điểm g trong hướng dẫn này) thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội.

Liên ngành Tài chính – Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ sẽ thực hiện thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện trợ cấp khó khăn của các đơn vị kèm theo lịch thẩm định mức chênh lệch tiền lương tối thiểu chung theo Nghị định 22/2011/NĐ-CP và Nghị định 23/2011/NĐ-CP (sẽ có thông báo sau).

Đề nghị Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính (phòng Quản lý ngân sách để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/C);
- Phòng TC-KH các huyện, TP (TH);
- Giám đốc, các phó GD sở;
- Phòng QLNS;
- Lưu VP.



Nguyễn Thị Lành

UBND tỉnh Hòa Bình

Tên đơn vị:

Biểu 01

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN TRỢ CẤP KHÓ KHĂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ KHÓI TỈNH
THEO QUYẾT ĐỊNH 471/QĐ-TTg NGÀY 30/3/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Công văn số 579/STC-QLNS ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Sở Tài chính)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ				Lĩnh vực ... (chi tiết từng lĩnh vực)
		Tổng số đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 471/QĐ-TTg có mặt tại thời điểm 30/3/2011	Nhu cầu kinh phí thực hiện Quyết định 471/QĐ-TTg	Bảo đảm từ nguồn thu sự nghiệp còn dư (nếu có) để TH cải cách tiền lương(*)	Số đề nghị ngân sách nhà nước bổ sung	Chi tiết theo các chỉ tiêu như từ cột 1 đến cột 4
A	B	1	2	3	4=2-3	5
	TỔNG SỐ					
	(Chi tiết theo từng đơn vị thuộc, trực thuộc)					
1	Đơn vị ...					
2	Đơn vị ...					
3	Đơn vị ...					

..., ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp y tế còn dư nguồn làm lương theo Nghị định 28,29/NĐ-CP.

UBND huyện, thành phố:...

Biểu 02

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ DO NSDP THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH 471/QĐ-TTg NGÀY 30/3/2011

(Kèm theo Công văn số 579/STC-QLNS ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Sở Tài chính)

Đơn vị: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2011	Tổng số đối tượng có mặt tại thời điểm 30/3/2011	Tổng số đối tượng được hưởng TCKK có mặt tại thời điểm 30/3/2011	Tổng nhu cầu kinh phí trợ cấp khó khăn theo Quyết định số 471/QĐ-TTg
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				
1	Cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ NSNN (1)				
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo				
1.1	Sự nghiệp giáo dục				
	Trong đó: Giáo viên mầm non ngoài biên chế theo Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg				
1.2	Sự nghiệp y tế				
1.3	Sự nghiệp khoa học - công nghệ				
1.4	Sự nghiệp môi trường				
1.5	Sự nghiệp văn hóa thông tin				
1.6	Sự nghiệp phát thanh truyền hình				
1.7	Sự nghiệp thể dục - thể thao				
1.8	Sự nghiệp đảm bảo xã hội				
1.9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
a	Cấp huyện				
	Trong đó:				
	- Quản lý nhà nước				
	- Đảng				
	- Đoàn thể				
b	Cán bộ chuyên trách, công chức xã				
2	Cán bộ xã, phường, thị trấn theo Quyết định 130-CP và Quyết định				
3	Hộ nghèo (2)				

Ghi chú:

(1) Bao gồm cả cán bộ hợp đồng

(2) Báo cáo số hộ nghèo tại cột số 5 và nhu cầu kinh phí trợ cấp tại cột số 6.

Ngày tháng năm 2011
CHỦ TỊCH UBND HUYỆN, THÀNH
 (Ký tên và đóng dấu)